

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẾN TRE
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 72/2024/HS-ST
Ngày: 20/8/2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE, TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Văn Trình

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Phạm Thị Kim Lan
2. Bà Trần Thị Kim Mỹ

-Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Vương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Minh Thư – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 8 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, xét xử sơ thẩm vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 47/2024/TLST-HS ngày 02/8/2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 50/2024/QĐXXST-HS ngày 06/8/2024 đối với bị cáo:

Dương Minh T, sinh năm 1993 tại tỉnh Bến Tre; nơi cư trú: **số I, ấp P, xã P, thành phố B, tỉnh Bến Tre**; trình độ văn hóa: 6/12; nghề nghiệp: không; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Dương Văn M**, sinh năm: 1966 và bà **Lê Thị Thu V**; sinh năm: 1972; bị cáo đã từng kết hôn với **Nguyễn Thị Tuyết M1**, sinh năm 1998 (đã ly hôn); con: có 01 người con sinh năm 2018;

Tiền án: không;

Tiền sự: Ngày 03/4/2024 bị **Công an xã P, thành phố B** xử phạt số tiền 1.500.000 đồng về hành vi Sử dụng trái phép chất ma túy (Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 26/QĐ-XPHC, bị cáo chưa nộp phạt).

Nhân thân: Ngày 24/01/2013 bị Toà án nhân dân thành phố Bến Tre xử phạt 03 năm tù về tội “Cướp giật tài sản”, 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” và 06 tháng tù về tội “Trốn khỏi nơi giam giữ”. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo chấp hành chung là 04 năm tù (Bản án Hình sự sơ thẩm số 12/2013/HSST, chấp hành xong hình phạt tù ngày 19/5/2015).

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 20/5/2024 cho đến nay, có mặt.

- Bị hại: **Bùi Văn Q**, sinh năm 1976; nơi cư trú: **số B, ấp P, xã P, thành phố B, tỉnh Bến Tre**. Vắng mặt

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: **Trần Thanh T1**, sinh năm 1976; nơi cư trú: **số C, ấp P, xã P, thành phố B, tỉnh Bến Tre**. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 16 giờ 15 phút ngày 18/5/2024, Dương Minh T đi bộ trên lộ B, xã P, thành phố B theo hướng từ đường N về trường trung học cơ sở P để về nhà T ở số I, ấp P, xã P, thành phố B. Đến khu vực Miếu ở ấp P, xã P, T phát hiện trong sân Miếu có dựng nhiều xe mô tô, T vào sân M2 thấy xe mô tô nhãn hiệu: Honda, loại xe: Wave, Biển số: 71K3-7895, màu sơn: xanh của ông Bùi Văn Q, sinh năm: 1976, ĐKTT: Số B, ấp P, xã P, thành phố B đang dựng trong sân, trên xe còn chìa khóa khởi động và có treo 01 nón bảo hiểm màu xanh sọc trắng nên T nảy sinh ý định lấy trộm để sử dụng làm phương tiện đi lại. T đến ngồi gần vị trí xe 71K3-7895 và quan sát xung quanh khoảng 20 phút không thấy ai đến lấy xe. T mở khóa, nổ máy điều khiển xe tẩu thoát về hướng đường N, xã P, thành phố B. Sau khi lấy trộm xe, T sống lang thang và sử dụng xe làm phương tiện đi lại. Khoảng 22 giờ 15 phút ngày 19/5/2024, T điều khiển xe 71K3-7895 trên đường T đoạn thuộc địa phận ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre thì Công an xã T đang tuần tra trên đường thấy T có dấu hiệu bất thường nên mời T về làm việc. Trước Cơ quan Công an T khai nhận hành vi lấy trộm xe mô tô Biển số 71K3-7895 tại Miếu, ấp P, xã P, thành phố B nên Công an xã T bàn giao T cùng tang vật cho Công an xã P tiếp tục làm việc. Đối với nón bảo hiểm màu xanh có sọc trắng của ông Q, T đã ném bỏ nên không thu hồi được.

Hiện trường vụ án tại Miếu ở ấp P, xã P, thành phố B, vị trí xe 71K3-7895 cách cổng rào của M2 về hướng hướng Đông 05 mét, cách cột cờ về hướng Đông Nam 2,5 mét.

Vật chứng thu giữ: 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu: Honda, loại xe: Wave, màu sơn: xanh, Biển số: 71K3-7895, Số máy: HC08E-0452718, Số khung: HC08082Y-452684 (do Dương Minh T giao nộp);

Tại Kết luận định giá tài sản số 411/KL-HĐĐG ngày 05/6/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự thành phố B kết luận: 01 xe mô tô nhãn hiệu: Honda, số loại: Wave, màu xanh, Biển số: 71K3-7895, Số máy: HC08E-0452718, Số khung: HC08082Y-452684, đã qua sử dụng, trị giá tài sản ngày 18/5/2024: 5.500.000 đồng; 01 (một) nón bảo hiểm màu xanh nước biển có sọc trắng, đã qua sử dụng, trị giá tài sản ngày 18/5/2024: 20.000 đồng. Tổng giá trị tài sản Dương Minh T chiếm đoạt của bị hại Bùi Văn Q là: 5.520.000 đồng.

Ngày 16/7/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B đã trả cho bị hại Bùi Văn Q 01 (một) xe mô tô Biển số: 71K3-7895, nhãn hiệu: Honda, loại xe: Wave, màu sơn: xanh, Số máy: HC08E-0452718, Số khung: HC08082Y-452684. Ông Q không yêu cầu T bồi thường giá trị nón bảo hiểm T chiếm đoạt của ông Q không thu hồi được và không yêu cầu bồi thường gì khác.

Quá trình điều tra, Dương Minh T đã khai nhận hành vi phạm tội, lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, tang vật thu giữ và các chứng cứ khác do Cơ quan điều tra thu thập.

Tại cáo trạng số 50/CT-VKSTPBT ngày 01/8/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre đã truy tố bị cáo về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Kiểm sát viên giữ nguyên nội dung cáo trạng và đề nghị: Về hình phạt chính: áp dụng: khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1, khoản 2, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo từ 09 tháng đến 01 năm tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Về hình phạt bổ sung: đề nghị không áp dụng.

Về xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự: Ghi nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B đã trả cho bị hại Bùi Văn Q 01 (một) xe mô tô Biển số: 71K3-7895, nhãn hiệu: Honda, loại xe: Wave, màu sơn: xanh, Số máy: HC08E-0452718, Số khung: HC08082Y-452684. Ông Q không yêu cầu T bồi thường giá trị nón bảo hiểm T chiếm đoạt của ông Q không thu hồi được và không yêu cầu bồi thường gì khác.

Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như cáo trạng đã truy tố. Bị cáo không khiếu nại các hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng.

Bị cáo nói lời nói sau cùng: bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra công an thành phố B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa trong quá trình điều tra, họ đã có lời khai đầy đủ, rõ ràng, sự vắng mặt của họ không làm ảnh hưởng đến việc xét xử nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt họ là phù hợp quy định tại Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của người tham gia tố tụng và các tài liệu chứng cứ khác đã được thu thập trong quá trình điều tra, đủ cơ sở xác định: khoảng 16 giờ 40 phút ngày 18/5/2024, Dương Minh T đã có hành vi lén lút chiếm đoạt 01 (một) xe mô tô Biển số: 71K3-7895 trị giá 5.500.000 đồng và 01 (một) nón bảo hiểm trị giá 20.000 đồng của ông Bùi Văn Q tại khu vực sân Miếu ở ấp P, xã P, thành phố B. Tổng giá trị tài sản T chiếm đoạt của ông Q là 5.520.000 đồng.

[3] Bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, bị cáo nhận biết rõ hành vi của mình bị pháp luật cấm xuất phát từ động cơ tư lợi bất chính, bị cáo đã một mình cố ý lén lút chiếm đoạt tài sản của bị hại, giá trị tài sản chiếm đoạt 5.520.000

đồng. Vì vậy, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre đã truy tố bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng luật định.

[4] Bị cáo phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, lợi dụng chủ sở hữu thiếu cảnh giác trong việc quản lý tài sản đã thực hiện hành vi phạm tội, trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn. Khi bị cáo thực hiện tội phạm đã gây ra tâm lý lo sợ cho quần chúng nhân dân trong lao động, trong sinh hoạt hàng ngày.

[5] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo có nhân thân xấu, bị cáo có 01 tiền sự về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy” và đã từng bị kết án về hành vi chiếm đoạt tài sản và trốn khỏi nơi giam giữ. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự bị cáo không có. Bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ: “Phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn”, “Người phạm tội thành khẩn khai báo” và “Có nghĩa vụ nuôi con chưa thành niên” theo quy định tại các điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Căn cứ vào nhân thân, tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi bị cáo gây ra, xét thấy cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội và có tác dụng phòng ngừa chung.

[6] Về hình phạt bổ sung: do bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7] Về xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự: Ghi nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B đã trả cho bị hại Bùi Văn Q 01 (một) xe mô tô Biển số: 71K3-7895, nhãn hiệu: Honda, loại xe: Wave, màu sơn: xanh, Số máy: HC08E-0452718, Số khung: HC08082Y-452684. Ông Q không yêu cầu T bồi thường giá trị nón bảo hiểm T chiếm đoạt của ông Q không thu hồi được và không yêu cầu bồi thường gì khác.

[8] Lời phát biểu luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa về tội danh, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, hình phạt, xử lý vật chứng và các biện pháp tư pháp là phù hợp nên được chấp nhận.

[9] Về án phí hình sự sơ thẩm bị cáo phải nộp theo quy định của Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Dương Minh T phạm tội “Trộm cắp tài sản”;

1. Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Dương Minh T 01 (một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 20/5/2024.

2. Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí,

lệ phí Tòa án: Án phí hình sự sơ thẩm bị cáo **Dương Minh T** phải nộp 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng.

3. Bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND thành phố Bến Tre (1b);
- Cơ quan điều tra CATP Bến Tre (1b);
- Cơ quan THAHS CATP Bến Tre (1b);
- Chi cục THA dân sự thành phố Bến Tre (1b);
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- UBND xã Phú Hưng, TPBT (1b);
- Bị cáo, bị hại, NCQLNVLQ (3b);
- Bộ phận thi hành án Hình sự (3b);
- Lưu (văn phòng, hồ sơ vụ án) (2b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Ngô Văn Trình